

Số: 04/2016/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 05 tháng 8 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường
đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 66/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 25/BC-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường: cát, đất các loại, than bùn, nước khoáng thiên nhiên và các loại khoáng sản khác.

2. Đối tượng nộp phí: các tổ chức, cá nhân khai thác các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

3. Đối tượng không phải nộp phí

a) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó.

b) Tổ chức, cá nhân khai thác đất, đá để san lấp, xây dựng công trình an ninh, quân sự; phòng chống thiên tai, khắc phục, giảm nhẹ thiên tai.

Điều 2. Mức thu phí

1. Mức thu phí cụ thể như sau:

a) Cát vàng: 5.000 đồng/m³.

b) Các loại cát khác: 4.000 đồng/m³.

c) Sét làm gạch, ngói: 2.000 đồng/m³.

d) Thạch cao: 3.000 đồng/m³.

đ) Cao lanh: 7.000 đồng/m³.

e) Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình: 2.000 đồng/m³.

g) Than bùn: 10.000 đồng/tấn.

h) Nước khoáng thiên nhiên: 3.000 đồng/m³.

2. Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản không kim loại tận thu bằng 60% mức phí của loại khoáng sản không kim loại tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp có phát sinh, khai thác thêm các loại khoáng sản khác với các loại khoáng sản không kim loại quy định tại khoản 1 Điều này giao Ủy ban nhân dân tỉnh thu với mức thu tối đa theo quy định của Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 3. Quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

1. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được để lại 100% cho các huyện, thành phố, thị xã để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương, theo các nội dung cụ thể sau:

a) Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản;

b) Khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

c) Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản.

2. Việc thu, nộp, cấp phát, sử dụng và quyết toán nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khoá IX, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 05 tháng 8 năm 2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 18/2011/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang./.

Nơi nhận:

- UB.Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của (UBTVQH);
- Các Bộ: Tài chính, TN&MT;
- Tổng Cục thuế;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Vụ IV (VPCP);
- Cơ quan TT Bộ Nội vụ;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh uỷ;
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh